

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
10	Đường lộ đal khu tái định cư khu 2	KV2-VT2	Toàn tuyến		300
VII	XÃ HOÀ ĐÔNG				
1	Trung tâm xã Hòa Đông	KV1-VT1	Từ ngã ba chợ Hòa Đông về hướng Nam đến hết đất UBND xã, hướng Tây đến hết đất ông Quách Suôi, hướng Đông đến hết đất cây xăng ông Kiệt		1.000
2	Huyện lộ 41	KV2-VT1	Toàn tuyến (trừ trung tâm chợ)		600
3	Lộ đal Càng Buổi	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Lâm Phu Lượng	Hết ranh đất ông Trương Văn Quئن	250
		KV2-VT1	Giáp ranh đất ông Trương Văn Quئن	Hết ranh đất ông Tăng Văn Súa	600
		KV2-VT3	Các đoạn còn lại		250
4	Lộ đal Trà Teo Thạch Sao	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Thái Văn Dũng	Hết ranh đất ông Tô Văn Hải	500
		KV2-VT3	Các đoạn còn lại		250
5	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn xã		250
VIII	XÃ VĨNH TÂN				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT1	Tim cầu Vĩnh Tân dọc theo lộ về hướng Đông hết đất bà Sơn Thị Phen, hướng Tây hết đất ông Thạch Chi		1.200
		KV1-VT2	Còn lại		1.000
2	Huyện lộ 48	KV1-VT3	Toàn tuyến còn lại (trừ trung tâm ngã tư)		750
		KV1-VT2	Đầu ranh đất ông Sơn Sinh	Hết ranh đất bà Sơn Thị Uôi	900
3	Đường Huyện 47B	KV2-VT1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện lộ 48	500
		KV2-VT1	Huyện lộ 48	Đê biển	500
4	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến lộ đal trong phạm vi toàn xã		250
IX	XÃ LAI HOÀ				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT1	Cổng Lai Hoà về hướng Đông đến hết cổng Xẻo Cốc, hướng Tây đến hết đất ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương		2.800
		KV1-VT2	Đầu ranh đất ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương	Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu	2.100
		KV1-VT3	Toàn tuyến còn lại		1.500
2	Huyện lộ 48	KV1-VT1	Ngã ba Preychóp B, hướng Đông đến hết ranh đất Trần Lưu và Sơn Thị Sà Phưol, hướng Tây đến giáp ranh tỉnh Bạc Liêu, hướng Bắc đến hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hoài		1.300
		KV2-VT2	Toàn tuyến trong phạm vi xã		700

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
4	Đường Huyện 47C	KV1-VT2	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Hết ranh đất ông Thạch Váth	1.000
		KV1-VT2	Từ ngã ba chợ Prey Chóp về hướng Đông hết đất Trường Tiểu học Lai Hoà 5 và hết đất ông 5 Chua, hướng Tây hết đất ông Đào Hên và hết đất ông Thạch Khêl, hướng Nam hết đất VLXD ông Nguyễn Văn Hoài, hướng Bắc đến giáp Cống Chữ U (Kênh KN2)		1.000
		KV1-VT3	Toàn tuyến còn lại (Trừ các tuyến trong trung tâm)		650
5	Lộ Prey Chop (Hòa Hiệp Đoạn Trong)	KV2-VT3	Lộ Prey Chop	Lộ đal Xung Thum	300
6	Lộ chùa Prey Chopra đê biển	KV2-VT3	Đê biển	Giáp Huyện lộ 48	300
7	Lộ Prey Chop Xung Thum B	KV2-VT3	Đê biển	Giáp Huyện lộ 48	300
8	Lộ Năm căn	KV2-VT3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Đê sông Mỹ Thanh	500
9	Lộ đal Tà Bôn	KV2-VT2	Toàn tuyến		800
10	Lộ đal Xung Thum A	KV2-VT2	Ngã 3 Xung Thum A về hướng Đông đến hết ranh Chùa Xung Thum, hướng Tây hết đất bà Phan Thủy Mừng, hướng Bắc đến hết đất ông Quách Thăng và Miếu Bà		800
11	Lộ Xum Thum (Hòa Hiệp Đoạn Trong)	KV2-VT3	Lộ đal Xung Thum A (từ ranh đất ông Sơn Nem)	Lộ đal Xung Thum A (hết ranh đất nhà ông Phan Văn Ở)	300
12	Lộ đal Khu 5 Lai Hòa	KV2-VT2	Toàn tuyến		800
13	Các tuyến lộ đal còn lại	KV2-VT3	Trong phạm vi toàn xã		300
14	Bắc Trà Niên 40 (Phía Bắc)	KV2-VT3	Kênh 7 Túc	Kênh Năm Căn - Lai Hòa	250
15	Đường kênh Mười Non	KV2-VT3	Bắc Trà Niên 40	Đường Huyện 40 (Đê sông)	250
16	Đường Bò Kện	KV2-VT3	Kênh 7 Túc	Kênh Năm Căn	250
17	Đường Năm Căn	KV2-VT3	Kênh 7 Túc	Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu	250
18	Lộ đal Năm Căn - giáp ranh Bạc Liêu	KV2-VT3	Đường Huyện 40 (Đê sông)	Kênh Lung Giá	250
X	XÃ VĨNH HIỆP				
1	Đường Tỉnh 936 (bờ Tây)	KV2-VT1	Cầu Dù Há	Hết ranh đất Phạm Kiểu (Đầu Voi)	650
2	Đường Tỉnh 936 (bờ Đông)	KV2-VT1	Cầu Dù Há	Hết ranh đất ông Trương Văn Thơ	650
3	Đường Tỉnh 936 (bờ Đông)	KV2-VT2	Giáp ranh đất ông Trương Văn Thơ	Hết ranh đất Phạm Kiểu (Đầu Voi)	500
4	Đường Huyện 46A	KV2-VT2	ĐT 936	Cầu Tân Lập	500
5	Đường Huyện 46A	KV2-VT3	Cầu Tân Lập	Giáp sông Trà Nho	250
6	Đường Huyện 46B	KV2-VT3	Đường Huyện 42	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	250
7	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	KV2-VT3	ĐT 936	Cống Trà Nho	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
8	Đường Huyện 42	KV2-VT3	Đường Huyện 46B	Giáp sông Trà Nho	250
9	Đường Tân Lập B	KV2-VT3	Cầu Tân Lập	Đường Huyện 46B	250
10	Đường từ Tân Lập đến Vĩnh Phước	KV2-VT3	Cầu kênh 40	Giáp Khóm Wath Pích (Vĩnh Phước)	250
11	Đường từ cầu số 2 đến nhà ông 6 Mãnh	KV2-VT3	Đường Huyện 46A	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	250
12	Đường Tân Lập - Tân Thành B	KV2-VT3	Đường Tân Lập B	Giáp khóm Vinh Thành (Vĩnh Phước)	250
13	Đường từ nhà bà Tàu Nhiều ra đê cấp 1	KV2-VT3	Đầu ranh đất bà Tàu Nhiều	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	250
14	Đường Xóm Lương	KV2-VT3	Đường Huyện 46A	Giáp sông Trà Niên	250
15	Đường cặp kênh Phạm Kiểu	KV2-VT3	Cầu Kênh Sườn	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	250
16	Đường cặp kênh Phạm Kiểu - Tân Hưng	KV2-VT3	Đầu ranh đất bà Kiếm	Đường cặp kênh Phạm Kiểu	250
17	Đường cặp kênh Sườn (lộ Tân Hưng)	KV2-VT3	Cổng kênh Sườn	Đường huyện 46B	250
18	Đường cặp kênh Tân Lập - Tân Tinh	KV2-VT3	Đường Huyện 46B	Cổng Trà Nho	250
19	Đường cặp kênh thầy Tám	KV2-VT3	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1) - Nhà sinh hoạt cộng đồng	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1) - nhà ông Năm Đồi	250
20	Đường Chài Chiêm	KV2-VT3	Đường Tân Lập - Tân Thành B	Sông Trà Nho	250
21	Đường Lai Sào	KV2-VT3	Đường Tân Lập - Tân Thành B	Nhà ông Hạnh	250
22	Đường Tân Thành A - Đặng Văn Đông	KV2-VT3	ĐT 936	Đường từ Tân Lập đến Vĩnh Phước	250
23	Đường cặp kênh 2 An	KV2-VT3	Đường Tân Hưng (đầu đất ông Bảy Chia)	Đường cặp kênh Sườn (Lộ Tân Hưng)	250
24	Đường cặp kênh Đặng Văn Đông	KV2-VT3	Đường huyện 46B	Đường Xóm Lương	250
25	Đường từ nhà ông Gốc đến đê cấp 1	KV2-VT3	Nhà ông Gốc	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	250
26	Đường Tân Hưng	KV2-VT3	Đường Huyện 46A	Đường Huyện 40 (Đê cấp 1)	250
27	Đường Xóm mới	KV2-VT3	Đường Tân Lập - Tân Thành B	Giáp sông Trà Niên	250
28	Đường đal vào Trạm Y tế	KV2-VT3	Cầu qua Trường THCS Vĩnh Hiệp	Trạm Y tế	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
29	Đường đal vào Trường Mầm Non	KV2-VT3	Đường huyện 46A (UBND xã cũ)	Hết đất Trường Mầm Non Vĩnh Hiệp	250
30	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến đường đal trong phạm vi toàn xã		250
D	HUYỆN CHÂU THÀNH				
I	THỊ TRẤN CHÂU THÀNH				
1	Quốc lộ 1A	3	Ranh xã Hồ Đắc Kien	Hết ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (hết thửa số 669, tờ bản đồ số 8)	1.800
		1	Giáp ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (giáp thửa số 669, tờ bản đồ số 8)	Hết ranh đất Ngân hàng Sacombank (UBND thị trấn cũ)	3.900
		2	Giáp ranh đất Ngân hàng Sacombank (UBND thị trấn cũ)	Giáp ranh xã Thuận Hòa	2.000
2	Đường hai bên nhà lồng chợ	1	Toàn tuyến		5.800
3	Các đường khác khu vực chợ	1	Toàn tuyến		4.900
4	Đường Tỉnh 939B	1	Từ cầu chợ Thuận Hoà	Hết ranh đất Cây xăng Quang Minh (hết thửa số 1228, tờ bản đồ số 01)	1.300
		2	Giáp ranh đất Cây xăng Quang Minh (giáp thửa số 1228, tờ bản đồ số 01)	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1.000
5	Đường Trần Phú	1	Từ giáp Quốc lộ 1A	Hết ranh đất nhà trọ Út Nhỏ (hết thửa số 1334, tờ bản đồ số 02)	3.500
		2	Giáp ranh đất nhà trọ Út Nhỏ (giáp thửa số 1334, tờ bản đồ số 02)	Đường Trần Hưng Đạo	1.500
6	Đường Huyện 5 (đường Huyện 94)	1	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Xây Cáp	800
		2	Cầu Xây Cáp	Cầu 30/4	550
7	Khu tái định cư Xây Đá	1	Khu tái định cư Xây Đá đã đầu tư cơ sở hạ tầng		1.300
		2	Vị trí tiếp giáp khu tái định cư chưa đầu tư cơ sở hạ tầng		850
8	Khu tái định cư Thuận Hòa	1	Các đường khác trong khu tái định cư		1.900
		2	Các vị trí tiếp giáp khu tái định cư		1.200

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
9	Đường Hùng Vương	1	Giáp Quốc lộ 1A	Đường Phạm Ngũ Lão	4.000
		2	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Trần Hưng Đạo	3.500
10	Đường Trần Hưng Đạo	1	Toàn tuyến		1.800
11	Đường Lý Thường Kiệt	1	Toàn tuyến		900
12	Tuyến đê bao Thuận Hòa (đường Huyện 93)	1	Đường ĐT 939 B	Cổng Ông Minh	800
		2	Cổng Ông Minh	Giáp ranh xã Thuận Hòa	600
		3	Cổng Thuận Hoà	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien	430
13	Đường Bạch Đằng (đường kênh Hậu cũ)	3	Đường đal Xây Cáp	Giáp ranh xã Thuận Hòa	350
		1	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Ngân hàng Sacombank	450
		2	Giáp ranh đất Ngân hàng Sacombank	Đường đal Xây Cáp	360
14	Lộ đal	1	Các đoạn đường trong phạm vi quy hoạch Khu hành chính đô thị thị trấn Châu Thành		320
		1	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Trà Quýt	Hết ranh đất bà Kiều Anh (hết thửa số 271, tờ bản đồ số 01)	250
		1	Cổng ông Ưống	Cầu ranh xã Thuận Hoà	280
		1	Đầu ranh đất bà Châu Thị Nguyệt (đầu ranh thửa số 246, tờ bản đồ số 03)	Giáp đê bao	250
		1	Đầu ranh đất bà Châu Thị Nguyệt (đầu ranh thửa số 246, tờ bản đồ số 03)	Cổng Thuận Hoà	250
		1	Đường Xây Cáp (toàn tuyến)		300
15	Lộ đal	1	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Cầu Xây Cáp	310
		1	Cổng Thuận Hoà	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien	250
		1	Đầu ranh đất ông Đăng (thửa số 2324, tờ bản đồ số 05)	Kênh 30/4	250
		1	Đầu ranh đất Trịnh Thị Tý (thửa số 37, tờ bản đồ số 01)	Hết ranh đất Công an huyện	250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
16	Đường đất	1	Đầu ranh đất ông Xiêm (thửa số 651, tờ bản đồ số 08)	Kênh Mai Thanh	250
		1	Đầu ranh đất ông Đường (thửa số 1228, tờ bản đồ số 01)	Giáp ranh đất Công an huyện	250
		1	Đầu ranh đất ông Trần Văn Nhứt (thửa số 311, tờ bản đồ số 03)	Hết ranh đất bà Thị Tiên (thửa số 40, tờ bản đồ số 03)	250
		1	Kênh Mai Thanh (toàn tuyến)		250
		1	Kênh Lò gạch hai bên (toàn tuyến)		250
		1	Kênh Hai Long hai bên (toàn tuyến)		250
		1	Kênh 30/4 (toàn tuyến)		250
		1	Rạch Xây Cáp hai bên (toàn tuyến)		250
		1	Kênh 6 Sệp (toàn tuyến)		250
		1	Kênh giáp ranh xã Thuận Hòa ấp Trà Quýt (toàn tuyến)		250
		1	Kênh ông Minh (toàn tuyến)		250
		1	Kênh 2 Cột (toàn tuyến)		250
		1	Kênh 2 Hiến (toàn tuyến)		250
		1	Rạch Sáu Siêng (toàn tuyến)		250
		1	Kênh hậu dọc đường Thuận Hòa - Phú Tâm		250
		1	Sau Trường Mẫu giáo cấp kênh Huyện lộ 5 hết đất ông Đăng (thửa số 2324, tờ bản đồ số 05)		250
17	Đường giao thông nông thôn	1	Tòa án huyện	Kênh hậu Huyện lộ 5	300
18	Lộ đal nối khu vực chợ với khu tái định cư	1	Toàn tuyến		320
19	Đường nhựa vị trí tiếp giáp khu vực chợ	1	Toàn tuyến		1.500
20	Đường A4 (vào UBND thị trấn mới)	1	Toàn tuyến		1.000
21	Đường giao thông nông thôn	1	Các tuyến đường bê tông, đường đal còn lại		250
II	XÃ THUẬN HÒA				
1	Quốc lộ 1A	KV1-VT1	Toàn tuyến		1.100
2	Đường Tỉnh 939B (TL14)	KV1-VT2	Toàn tuyến		600
3	Đường vào Trại giống	KV1-VT3	Toàn tuyến		350
4	Đường vào khu hành chính	KV1-VT3	Toàn tuyến		350
5	Tuyến đê bao Thuận Hoà (đường Huyện 93)	KV2-VT1	Giáp ranh thị trấn Châu Thành	Hết ranh đất Chùa Cũ	400
		KV2-VT2	Giáp ranh Chùa Cũ	Giáp ranh xã An Hiệp	300
6	Lộ bao quanh khu hành chính xã	KV2-VT2	Giáp đường vào khu hành chính	Hết đất Trường Tiểu học Thuận Hòa B	400
		KV2-VT3	Tuyến còn lại		250
7	Lộ đal Ba Sâu	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
8	Lộ đal Cống 2	KV2-VT3	Toàn tuyến		250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
9	Lộ đal 6 A1	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
10	Lộ đal kênh 85, ấp Trà Canh	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
11	Lộ đal kênh ông Ướng	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
12	Lộ đal Tư Lung - Bảy Trang	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
13	Lộ đal kênh Trà Tép	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
14	Lộ đal Kênh 6 Nghĩa Địa - Rạch Hàn Bần	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
15	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến đường đal còn lại		250
III	XÃ AN HIỆP				
1	Quốc lộ 1A	KV1-VT1	Ranh xã Thuận Hoà	Hết ranh đất cây xăng Mỹ Trân	1.100
		KV1-VT1	Giáp ranh đất cây xăng Mỹ Trân	Hết cống (hết đất nhà Lý Sà Nen)	1.500
		ĐB	Giáp cống (giáp đất nhà Lý Sà Nen)	Hết ranh đất kho Công ty Cổ phần TMDL Sóc Trăng	2.600
		ĐB	Giáp ranh đất kho Công ty Cổ phần TMDL Sóc Trăng	Giáp ranh thành phố Sóc Trăng	2.500
2	Đường Tỉnh 932	KV1-VT1	Ngã ba An Trạch	Giáp đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A	1.500
		KV1-VT2	Giáp đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A	Giáp ranh xã Phú Tân	1.200
3	Đường Tỉnh 932 nối dài	KV1-VT1	Giáp Quốc Lộ 1A	Cầu đi Giồng Chùa A	1.300
		KV1-VT2	Cầu đi Giồng Chùa A	Hết ranh đất ông Hoàng (thửa số 826, tờ bản đồ số 05)	900
		KV2-VT1	Giáp ranh đất ông Hoàng (thửa số 826, tờ bản đồ số 05)	Hết đất Chùa PengSomRach	600
		KV2-VT2	Giáp Chùa PengSomRach	Cầu Bung Tróp	450
		KV1-VT3	Cầu Bung Tróp A	Giáp đường vào chợ Bung Tróp (đi An Ninh)	600
		KV2-VT3	Giáp đường vào chợ Bung Tróp (đi An Ninh)	Giáp ranh xã An Ninh	340
4	Đường Sóc Vồ	KV1-VT2	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã An Ninh	400
5	Tuyến tránh Quốc lộ 60	KV1-VT1	Toàn tuyến		1.500
6	Tuyến đê bao (đường Huyện 93)	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
7	Chợ An Trạch	KV1-VT1	Hai bên và dãy dưới nhà lồng chợ		1.500
8	Các hẻm khu vực chợ An Trạch	KV2-VT3	Toàn khu		260

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
9	Đường vào chợ Bung Tróp A	KV2-VT3	Toàn tuyến (từ giáp đường huyện đi An Ninh vào chợ và đoạn từ qua cầu Bung Tróp A vào chợ)		250
10	Khu vực chợ Bung Tróp A	KV2-VT3	Toàn khu		250
11	Đường đal	KV2-VT3	Cầu Bung Tróp	Hết đất Chùa Bung Tróp	250
		KV2-VT3	Sau chùa PengsomRach	Cầu ông Lonl	250
		KV2-VT3	Cầu ông Lonl	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	250
		KV2-VT3	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	Hết đất Trường Mẫu giáo An Tập	250
		KV2-VT3	Sau chùa PengsomRach		250
		KV2-VT3	Các tuyến còn lại		250
12	Khu tái định cư	KV2-VT1	Toàn khu		600
13	Đường vào khu tái định cư	KV1-VT3	Toàn tuyến		700
14	Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp qua khu tái định cư	KV2-VT1	Toàn tuyến		600
15	Đường liên xã Thiện Mỹ - An Hiệp (đường Huyện 90)	KV2-VT2	Đầu đường	Cầu An Hiệp B	400
		KV2-VT3	Cầu An Hiệp B	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	300
16	Đường đal ấp An Trạch (Hẻm 3)	KV2-VT3	Từ Đường 932	Kênh Thủy lợi	250
17	Đường đal ấp An Trạch (Hẻm 4)	KV2-VT3	Từ Đường 932	Kênh Thủy lợi	250
18	Đường đal	KV2-VT2	Quốc lộ 1A	Kênh Thủy lợi	400
19	Hẻm 2 ấp Phụng Hiệp (Hẻm nhà trọ Tường Vy cũ)	KV1-VT3	Toàn tuyến		750
IV	XÃ PHÚ TÂM				
1	Đường Tỉnh 932	ĐB	Từ cầu Phú Tâm	Hẻm Trạm Y tế	2.700
		KV1-VT2	Hẻm Trạm Y tế	Kênh ống Bọng	1.000
		KV1-VT3	Kênh ống Bọng	Giáp ranh huyện Kế Sách	800
2	Đường hai bên nhà lồng chợ	ĐB	Đường hai bên nhà lồng chợ		3.500
		KV2-VT1	Hẻm Công Lập Thành	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo	600
		KV2-VT2	Giáp ranh đất Trường Mẫu giáo	Hết ranh đất ông Lâm Minh Tài (thửa số 231, tờ bản đồ số 11)	500
3	Đường Huyện 5 (đường Huyện 94)	KV2-VT2	Đường ĐT 932	Cầu Bà Ngẫu	600
		KV2-VT3	Đoạn còn lại		350
		KV1-VT3	Hẻm khu 2 của ấp Phú Bình		350
		KV2-VT2	Đầu ranh đất Trường Hoa	Cầu nhà thầy Sinh	300

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
4	Đường giao thông nông thôn	KV2-VT2	Giáp đường Tỉnh 932 (cấp vật liệu xây dựng Tân Phong)	Kênh Vành Đai	300
		KV2-VT2	Giáp đường Tỉnh 932 (cấp trụ sở ấp Thọ Hòa Đông)	Kênh Vành Đai	300
		KV2-VT2	Giáp đường Tỉnh 932 (cấp nhà Sơn Hậu)	Kênh Vành Đai	300
		KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Dương Hải Sui (thửa số 26, tờ bản đồ số 11)	Hết ranh đất ông Lâm Hữu Minh (thửa số 34, tờ bản đồ số 04)	250
		KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Lâm Anh Tài (thửa số 897, tờ bản đồ số 08)	Kênh bà Phái	250
		KV2-VT3	Giáp đường Tỉnh 932	Hết đường đal Phú Thành A	250
		KV2-VT3	Giáp ranh đất Trường Hoa	Cầu Lương Sơn Bá	250
		KV2-VT3	Giáp đường Huyện 5	Hết ranh đất Tô Yều Cam (thửa số 60, tờ bản đồ số 10)	250
		KV2-VT3	Các hẻm ximăng còn lại		
5	Đường đal	KV2-VT3	Cầu Bảy Quýt	Mỏ neo (giáp huyện Kế Sách)	350
		KV2-VT3	Cầu Bảy Quýt	Giáp huyện Kế Sách (hết đất ông Hai Thà)	350
		KV2-VT3	Cầu Bảy Quýt	Kênh 30/4	350
		KV2-VT3	Kênh 30/4	Hết ranh nghĩa trang cũ	300
		KV1-VT1	Đường Tỉnh 932	Cầu Chùa	700
		KV1-VT2	Cầu Chùa	Hết ranh đất thửa số 02, tờ bản đồ số 26 (nhà ông Châu Ngọc Sang)	400
		KV2-VT3	Cầu Bảy Quýt	Cầu Na Tung	300
6	Đường giao thông nông thôn	KV2-VT3	Các tuyến đường bê tông, đường đal còn lại		250
V	XÃ AN NINH				
		KV1-VT2	Giáp ranh thành phố Sóc Trăng	Cua Xà Lan (hết ranh thửa 422, tờ bản đồ số 07)	600

CỐC T.

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
1	Đường Tỉnh 938	KV1-VT3	Cua Xà Lan (giáp ranh thửa 422, tờ bản đồ số 07)	Cầu Chùa	550
		KV1-VT3	Giáp ranh Cầu Chùa	Đường tỉnh 932 (đường đi Chông Nô cũ)	600
		KV1-VT1	ĐT 932 (đường đi Chông Nô cũ)	Hết ranh đất Trường Tiểu học An Ninh D	800
		KV1-VT2	Giáp ranh đất Trường Tiểu học An Ninh D	Cầu Trắng	600
2	Đường Tỉnh 939	KV1-VT1	Cầu Trắng	Hết ranh đất nhà máy ông Ba Chiến (thửa số 1521, tờ bản đồ số 04)	1.200
		KV1-VT2	Giáp ranh đất nhà máy ông Ba Chiến (thửa số 1521, tờ bản đồ số 04)	Cống Kênh Mới	400
		KV1-VT3	Cống Kênh Mới	Giáp ranh xã Mỹ Hương	350
3	Đường Tỉnh 932 nối dài (đường đi Chông Nô cũ)	KV2-VT2	Đường Tỉnh 938	Cầu kênh 76	300
		KV2-VT3	Cầu kênh 76	Bưng Chóp	250
4	Hẻm Chợ	KV1-VT1	Đầu ranh đất Bà Lếng (đầu thửa số 1176, tờ bản đồ số 06)	Hết ranh đất bà Nguyễn (thửa số 1195, tờ bản đồ số 06)	1.200
		KV1-VT2	Đầu ranh đất Bà Dân (thửa số 1178, tờ bản đồ số 06)	Hết ranh đất ông Xe (thửa số 1226, tờ bản đồ số 06)	1.000
5	Các hẻm trung tâm xã	KV1-VT2	Các hẻm nhựa thuộc Ấp Châu Thành		450
		KV1-VT1	Hai bên nhà lồng chợ cũ		900
		KV1-VT3	Đường sân bóng cũ		300
6	Hẻm ấp Châu Thành	KV2-VT2	Các hẻm xóm 1, 2, 3, 4 thuộc ấp Châu Thành		300
7	Đường Sóc Vồ	KV2-VT1	Bia truyền thống	Giáp ranh xã An Hiệp	350
8	Hẻm khu vực Sóc Vồ	KV2-VT3	Các hẻm		250
9	Đường đal	KV2-VT3	Lộ đal Xà Lan		250
10	Đường giao thông nông thôn	KV2-VT3	Các tuyến đường bê tông, đường đal còn lại		250
VI	XÃ THIỆN MỸ				
1	Đường Tỉnh 939 B (Đường Tỉnh 14)	KV1-VT1	Đầu đất UBND xã Thiện Mỹ	Cầu xã Thiện Mỹ	2.100
		KV1-VT3	Giáp đất UBND xã Thiện Mỹ	Giáp ranh xã Thuận Hoà	850
		KV1-VT2	Cầu xã Thiện Mỹ	Hết ranh đất quán Café Thanh Trúc (thửa số 497, tờ bản đồ số 03)	1.950
		KV2-VT1	Giáp ranh đất quán Café Thanh Trúc (thửa số 497, tờ bản đồ số 03)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Đường liên xã Thiện Mỹ - An Hiệp	KV1-VT1	Giáp Tỉnh lộ 939 B	Hết ranh đất nhà ông Trần Quốc Phong (thửa số 600, tờ bản đồ số 01)	500
		KV1-VT2	Giáp ranh đất nhà ông Trần Quốc Phong (thửa số 600, tờ bản đồ số 01)	Giáp ranh xã An Hiệp	300
3	Lộ đal	KV2-VT2	Cầu UBND xã	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien	250
		KV2-VT2	Ngã tư Chùa	Hết ranh đất ông Lương Văn Cam (thửa số 789, tờ bản đồ số 02)	500
		KV2-VT2	Ngã tư Chùa	Hết ranh đất Trường THCS Thiện Mỹ	500
		KV2-VT3	Ranh xã Hồ Đắc Kien	Giáp ranh huyện Mỹ Tú	300
	Lộ đal (giáp kênh Tăng Phước)	KV2-VT3	Ngã tư Chùa	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien	300
	Lộ đal (giáp kênh Ba Rinh, phía nhà thờ)	KV2-VT3	Ranh Mỹ Tú	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kien	300
4	Lộ đal ấp An Tập (giáp ranh An Hiệp)	KV2-VT3	Giáp đường liên xã Thiện Mỹ - An Hiệp	Giáp ấp Mỹ An	250
5	Khu vực nhà lồng chợ	KV1-VT1	Dãy hai bên nhà lồng chợ		2.000
		KV1-VT2	Dãy phía sau nhà lồng chợ		1.800
6	Các hẻm xung quanh khu vực chợ	KV2-VT1	Toàn tuyến		800
7	Đường giao thông nông thôn	KV2-VT3	Các tuyến đường bê tông, đường đal còn lại		250
VII	XÃ HỒ ĐẮC KIỆN				
1	Quốc lộ 1A	KV1-VT1	Ranh thị trấn Châu Thành	Hết ranh đất nhà máy Tuyết Phương	1.500
		KV1-VT2	Giáp ranh đất nhà máy Tuyết Phương	Hết ranh đất cây xăng Dư Hoài	1.400
		KV1-VT1	Giáp ranh đất cây xăng Dư Hoài	Giáp ranh xã Đại Hải	1.500
2	Lộ đal trung tâm xã	KV2-VT1	Cầu Hai Sung	Cầu Kênh Gòn	350
		KV2-VT2	Đầu ranh đất Tám Quốc (đầu bờ kè)	Cầu Kênh Gòn	350
		KV1-VT3	Cầu Kênh Gòn đi Thiện Mỹ	Hết đoạn bờ kè	500
		KV1-VT1	Cầu Kênh Gòn	Hết ranh đất UBND xã	1.000
		KV1-VT2	Chợ xã: Cầu kênh Gòn	Hết bờ kè Kênh Gòn	900
3	Tuyến đê bao (đường Huyện 93)	KV2-VT2	Toàn tuyến		300
		KV2-VT3	Cổng chùa mới	Cầu 2 Sung	250
		KV2-VT3	Toàn tuyến kinh cũ ấp Đắc Lực, Đắc Thời, Đắc Thế		250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
4	Lộ đal	KV2-VT3	Lộ đal kênh Xây Đạo		250
		KV2-VT3	Hết bờ kè kinh Gòn	Đê bao phân trường	250
		KV2-VT3	Đi Thiện Mỹ: hết bờ kè	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	250
		KV2-VT3	Hết bờ kè ấp Đắc Lực	Giáp ranh xã Đại Hải	300
		KV2-VT3	Lộ đông Kinh Cũ ấp Đắc Lực		300
		KV2-VT3	Bờ bao Phân trường lộ đal 3m		320
5	Lộ đal kênh Ba Rinh mới	KV2-VT3	Giáp đường Huyện 92	Cầu Chín Hữu	300
6	Lộ đal	KV2-VT3	Cầu Dân Trí	Giáp ranh huyện Mỹ Tú	300
7	Lộ đal ấp Kênh Ba Rinh mới ấp Đắc Thắng giáp ranh xã Thiện Mỹ	KV2-VT3	Toàn tuyến		300
8	Tuyến lộ trên kênh Phú Cường	KV2-VT3	Giáp Quốc lộ 1A	Đến kênh thứ Nhất	350
9	Đường Huyện 92	KV2-VT1	Giáp thị trấn Châu Thành	Cầu Trạm Y tế xã	500
		KV2-VT2	Cầu trạm Y Tế xã	Cầu qua UBND xã	700
		KV2-VT1	Đầu ranh đất Trường Mầm Non Hồ Đắc Kiện	Giáp đê bao Phân trường Phú Lợi	500
10	Đường giao thông nông thôn	KV2-VT3	Các tuyến đường bê tông, đường đal còn lại		250
VIII	XÃ PHÚ TÂN				
1	Đường Tỉnh 932 (đường Tỉnh 1 cũ)	KV1-VT3	Giáp ranh xã An Hiệp	Cầu 30/4	800
		KV1-VT2	Cầu 30/4	Hết đất Tịnh xá Ngọc Tâm	1.100
		KV1-VT1	Giáp đất Tịnh xá Ngọc Tâm	Giáp ranh xã Phú Tâm	2.100
2	Lộ Giếng Tiên	KV2-VT2	Đường Tỉnh 932	Cổng vào Giếng Tiên	500
3	Đường đal	KV2-VT2	Xóm rẫy		270
		KV2-VT2	Chùa Bốn mặt		270
		KV2-VT2	Hèm ấp văn hoá Phước An		330
		KV2-VT2	Đường Trọt Trà É		250
		KV2-VT2	Tất cả các đường đal ấp Phước Lợi		300
		KV2-VT2	Đường vào chùa Bà		330
		KV2-VT2	Đường vào Đình Phước Hưng		330
		KV2-VT2	Toàn tuyến cặp kênh 30/4		300
		KV2-VT3	Các đường đal ấp Phước Hòa, Phước An, Phước Thuận		250
		KV2-VT1	Hèm trục chính ấp Phước Lợi		430
		KV2-VT1	Cầu 30/4	Hết ranh đất ông Hoàng	450
		KV1-VT3	Giáp ranh đất ông Hoàng	Chùa ChamPa	350

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
		KV2-VT1	Hẻm chính chùa ChamPa	Hết ranh đất Bà Hạnh	420
		KV2-VT3	Các tuyến đường bê tông, đường đal còn lại		250
4	Đường nhựa	KV2-VT2	Tuyến trục chính xã Phú Tân		400
5	Tuyến tránh Quốc lộ 60	KV1-VT1	Toàn tuyến		1.200
E	HUYỆN MỸ TÚ				
I	THỊ TRẤN HUỖNH HỮU NGHĨA				
1	Trần Hưng Đạo	7	Ranh xã Long Hưng	Kênh 3 Vội	500
		6	Kênh 3 Vội	Hết ranh đất nhà 6 Cao	1.000
		4	Giáp ranh đất nhà 6 Cao	Kênh Ông Quân	1.500
		4	Kênh Ông Quân	Đập Chín Lờ	1.500
		2	Đập Chín Lờ	Hết ranh đất UBND thị trấn	3.500
		1	Giáp ranh đất UBND thị trấn	Cầu 3 Thắng	5.500
		3	Cầu 3 Thắng	Đập 6 Giúp	2.000
		5	Đập 6 Giúp	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1.000
2	Đường Phạm Ngũ Lão	1	Toàn tuyến		3.000
3	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1	Toàn tuyến		3.000
4	Đường Lý Thường Kiệt	1	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất nhà bà Bé	2.000
5	Đường Hùng Vương	3	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Phú	3.500
		1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Quang Trung (ĐT 940)	6.500
		2	Đường Quang Trung (ĐT 940)	Cầu 1/5 (Huyện đội)	4.000
6	Đường Lê Thánh Tông và Lê Thánh Tông kéo dài	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương và Đường Quang Trung	3.000
7	Đường Ngô Quyền	1	Cầu 3 Thắng	Cầu Đê Mỹ Phước	2.600
8	Đường F12	1	Cầu 3 Thắng	Nhà lồng chợ mới	2.000
9	Đường Huyện 84	1	Cầu 1/5 (huyện đội)	Hết đất cây xăng ông Đồi	1.000
		2	Giáp đất cây xăng ông Đồi	Cầu Béc Trang	500
		3	Cầu Béc Trang	Giáp ranh xã Mỹ Tú	400
10	Đường Võ Thị Sáu	1	Cầu Bệnh Viện	Đê Bé Bui	500
11	Đường Trần Phú	3	Ranh xã Long Hưng	Cầu nhà trẻ	700
		1	Cầu nhà trẻ	Cầu bệnh viện	3.500
		2	Cầu Bệnh viện	Kênh Út Biện	1.000
		4	Kênh Út Biện	Ranh xã Mỹ Tú	500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
12	Đường Đồng Khởi	1	Cầu nhà trẻ	Ranh xã Mỹ Hương	800
13	Đường 3 tháng 2	1	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	2.500
14	Đường 30 tháng 4	1	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1.500
15	Đường Huỳnh Văn Triệu	1	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1.200
16	Đường Lý Tự Trọng	1	Đường 3 tháng 2	Đường 30 tháng 4	2.000
17	Đường Quang Trung (đường Tỉnh 940)	5	Ranh xã Long Hưng	Cầu Sáu Xôi	1.600
		2	Cầu Sáu Xôi	Kênh hậu Huyện đội	4.500
		1	Kênh hậu Huyện Đội	Cầu đê Mỹ Phước	6.500
		3	Cầu đê Mỹ Phước	Hết ranh đất bà Hân	5.000
		4	Giáp ranh đất bà Hân	Ranh xã Mỹ Tú (Cầu số 1)	2.200
18	Đường Điện Biên Phủ	1	Đường 30 tháng 4	Đường 3 tháng 2	2.500
19	Đường Tỉnh 939	1	Đường Quang Trung (ĐT 940)	Cầu kênh 1/5	3.500
		2	Cầu kênh 1/5	Kênh Ba Hữu	1.200
		3	Kênh Ba Hữu	Ranh xã Mỹ Tú	700
20	Đường trung tâm xã Long Hưng (Đường C2)	1	Đường Đồng Khởi	Ranh xã Long Hưng	300
21	Trung tâm thương mại thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	1	Dãy E		20.000
22	Lộ đal (Kho lương thực cũ), thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	1	Đường Tỉnh 940	Đường Trần Hưng Đạo	700
23	Lộ đal (Chợ Cá), thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	1	Đường Tỉnh 940	Giáp ranh đất ông Thơm	1.500
24	Lộ nhựa B9, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	1	Đường Hùng Vương	Đường 3 tháng 2	1.200
25	Đường A1	1	Ranh xã Mỹ Hương	Đường trung tâm xã Long Hưng	300
26	Đường Bộ Thon	1	Cầu 2 Minh	Ranh xã Mỹ Tú	300
27	Đường đal	1	Cầu 2 Minh	Hết ranh vườn thuốc Nam Hoàng Yến	300
28	Đường đầu nối ĐT 939	1	Tỉnh lộ 939	Đường Huyện 84	250
29	Đường Kênh 1/5	1	Đường Huyện 84 - Tỉnh lộ 939	Giáp ranh xã Long Hưng	250
30	Đường đal (Tuyến Đồng Khởi - Rau Càn)	1	Đường Đồng Khởi	Giáp ranh xã Long Hưng	250
31	Lộ cũ Cầu Đồn	1	Đường Hùng Vương	Đường 3 tháng 2	450
32	Lộ Chòm Tre	1	Cầu Đình (Chòm Tre)	Giáp ranh xã Mỹ Tú	300
33	Đường đal	1	Các tuyến đường đal còn lại		250
II	XÃ MỸ HƯƠNG				
1	Đường Chợ Cá	ĐB	Đường cầu Xẻo Gừa vào chợ và 2 dãy bên nhà lồng chợ		2.500

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Đường vào sau Chợ mới	KV1-VT1	Lộ mới từ đường Tỉnh 939	Giáp đường lộ cũ (vào chợ)	1.800
3	Đường Tỉnh 939	KV2-VT3	Giáp ranh xã An Ninh	Đường vào Chợ mới	800
		KV1-VT1	Đường vào Chợ mới	Cầu Xẻo Gừa	2.000
		KV1-VT2	Cầu Xẻo Gừa	Hết ranh đất ông Tuấn	1.600
		KV1-VT4	Giáp ranh đất ông Tuấn	Cầu Bà Lui	1.400
		KV2-VT2	Cầu Bà Lui	Kênh Ba Anh	1.200
		KV2-VT1	Kênh Ba Anh	Hết ranh đất nhà thầy Vĩnh	1.300
		KV1-VT3	Giáp ranh đất Thầy Vĩnh	Giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	1.500
4	Đường Tỉnh 939B	KV2-VT2	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	Hết đất Nghĩa trang liệt sĩ huyện	700
		KV2-VT1	Giáp đất Nghĩa trang liệt sĩ huyện	Giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	800
6	Đường trung tâm xã Long Hưng (Đường A1)	KV2-VT2	Đường Tỉnh 939B	Kinh rau Cần	400
7	Khu dân cư Bà Lui, xã Mỹ Hương	KV2-VT2	Toàn bộ các tuyến đường trong Khu dân cư		500
8	Lộ Đal	KV1-VT2	Cầu Xẻo Gừa	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo (Xóm Lớn)	1.200
		KV1-VT2	Cầu Xẻo Gừa	Cầu ông Tám Bầu	1.200
		KV2-VT2	Cầu ông Tám Bầu	Hết ranh đất Trịnh Văn Mười (cửa hàng điện tử)	800
		KV1-VT1	Đầu đất UBND xã cũ	Hết đất Kho phân 6 Địa	1.300
		KV2-VT1	Giáp ranh chợ Xẻo Gừa	Hết ranh đất ông Trịnh Ngọc Ba	900
		KV1-VT3	Giáp cổng ranh chợ Xẻo Gừa	Hết ranh đất Trại của ông Trần Văn Vạng	1.100
9	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến đường đal còn lại		250
III	XÃ MỸ PHƯỚC				
1	Đường Huyện 82	KV1-VT2	Kinh số 3 (Ranh xã Mỹ Thuận)	Trạm Y tế	500
		KV1-VT1	Trạm Y tế	Cầu 3 Trí	600
		KV1-VT2	Cầu 3 Trí	Giáp ranh thị xã Ngã Năm	500
2	Lộ Đập Hội	KV2-VT3	Giáp Huyện lộ 82	Cầu Phước Trường	250
3	Lộ Ông Ban	KV2-VT3	Giáp Huyện lộ 82	Hết đất ông Ba Bình	250
4	Đường Huyện 84	KV2-VT3	Toàn tuyến		250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
5	Đường Huyện 81 (trung tâm xã Hưng Phú)	KV2-VT2	Đường Huyện 84	Ranh xã Hưng Phú	400
6	Đường Tỉnh 939	KV2-VT2	Toàn tuyến		400
7	Khu vực chợ	KV1-VT1	Các lộ bên dãy nhà lồng chợ		600
8	Đường Bắc Quản lộ Nhu Gia	KV2-VT2	Toàn tuyến		350
9	Lộ Giải Phóng	KV2-VT3	Lộ Nhu Gia	Giáp kênh Trà Cú Cạn	250
10	Đường Vào Khu Căn Cứ	KV2-VT2	Đường Huyện 82	Khu căn cứ	400
11	Đường đal Lợi Phước An A	KV2-VT3	Đường Huyện 82	Kênh 3 Trung	300
12	Đường đal Lợi Phước An B	KV2-VT3	Đường Huyện 82	Kênh Xóm Tiệm	300
13	Đường đal Trường A - Trường B	KV2-VT3	Kênh 7 Xáng	Kênh U Quên	300
14	Đường đal Thới B	KV2-VT3	Đường Huyện 82	Giáp ranh thị xã Ngã Năm	300
15	Lộ Xáng Cụt	KV2-VT3	Đầu ranh đất Trường học Mỹ Phước B	Cầu Út Tường	300
16	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến đường đal còn lại		250
IV	XÃ MỸ THUẬN				
1	Đường Tỉnh 938	KV1-VT2	Giáp ranh xã Thuận Hưng	Hết ranh đất Trạm cấp nước (Tam Sóc A)	400
		KV1-VT1	Giáp ranh đất trạm cấp nước (Tam sóc A)	Sông Nhu Gia và cầu Mỹ Phước	500
2	Lộ đal Ô Quên	KV2-VT3	Cầu Ô Quên	ĐT 938	250
3	Đường Tỉnh 940	KV1-VT1	Ranh xã Mỹ Tú	Cầu Cái Trầu mới	600
		KV1-VT2	Cầu Cái Trầu mới	Giáp ranh huyện Thạnh Trị	300
4	Đường Huyện 82	KV2-VT1	Đường Tỉnh 940	Giáp ranh xã Mỹ Phước (Cầu kinh số 3)	300
5	Đường Huyện 87 (đường Rạch Rê)	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
6	Đường Huyện 89	KV2-VT3	Đường Huyện 87 (đường Rạch Rê)	Giáp ranh xã Phú Mỹ	250
7	Đường đal Phước An	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
8	Đường đal Phước Bình (2m)	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
9	Đường đal Phước Bình (3)	KV2-VT3	Toàn tuyến		270
10	Đường đal Tam Sóc C2	KV2-VT3	Toàn tuyến		250
11	Vòng Cung đường 940 cũ và đường vào cầu Mỹ Phước	KV2-VT2	Toàn tuyến		350
12	Đường đal Tam Sóc C1	KV2-VT3	Toàn tuyến		200

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
13	Đường đal Tam Sóc D2	KV2-VT3	Toàn tuyến		200
14	Đường cống Lâm Trường	KV2-VT3	Toàn tuyến		200
15	Lộ rạch Bó Thảo Bờ Tây	KV2-VT3	Cầu Hai Tiểu	Hết ranh đất bà Dương Du Nía	250
16	Lộ Tam Sóc	KV2-VT3	Lý Sỹ Tol	Hết ranh đất ông Danh Na Hoàng Ne	250
17	Lộ đê Phân trường	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Nguyễn Hoàng Anh	Đường vào cầu Mỹ Phước	250
18	Lộ Sơn Pich	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Đặng Văn Bui	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Tròn	250
19	Đường đal Bung Cui	KV2-VT3	Cầu Bung Cui	Cầu Ba Khánh	250
20	Lộ Rạch Chung	KV2-VT3	Đầu ranh đất Trường TH Mỹ Thuận B	Hết đất Salate Prêch Chanh	250
21	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến đường đal còn lại		250
V	XÃ THUẬN HƯNG				
1	Đường Tỉnh 939	KV1-VT1	Cầu trắng	Hết ranh đất Trạm bơm	1.500
2	Đường Tỉnh 938	KV1-VT1	Cầu trắng	Giáp cầu Trà Lây 1	800
		KV1-VT2	Giáp cầu Trà Lây 1	Giáp kênh Tà Chum	550
		KV1-VT3	Giáp kênh Tà Chum	Giáp ranh xã Mỹ Thuận	400
3	Đường Huyện 88	KV2-VT1	Cầu Đồn	Giáp ranh Cầu Ngang	300
		KV2-VT2	Giáp ranh Cầu Ngang	Đường Tỉnh 938	250
4	Lộ đal (Song song ĐT 938)	KV2-VT3	Đường Huyện 88	Giáp ranh xã Mỹ Hương	250
5	Đường Huyện 88B	KV2-VT3	Đường Huyện 88	Giáp ranh xã Mỹ Hương	250
6	Lộ đal Rạch Tà Sam	KV2-VT3	Đường Huyện 88	Hết đất ông Lê Văn Lé	250
7	Lộ đal Vàm Đình	KV2-VT3	Cổng Mỹ Hòa	Đường Huyện 88	250
8	Lộ Đal	KV2-VT3	Giáp ranh xã Mỹ Hương	Hết lộ đal Thiện Bình	250
9	Lộ đal sông Ô Quên, xã Thuận Hưng	KV2-VT3	Cầu Đồn	Giáp ranh xã Mỹ Hương	250
10	Lộ đal Bờ Tây Cái Triết	KV2-VT3	Giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	Lộ đal Vàm Đình	250
11	Lộ đal	KV2-VT3	Cầu Trà Lây 1	Giáp ranh xã Phú Mỹ	250
12	Lộ đal	KV2-VT3	Cầu Sập	Giáp ranh xã Phú Mỹ	250
13	Lộ đal	KV2-VT3	Cầu Sư Tử	Giáp ranh xã Phú Mỹ	250
14	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến đường đal còn lại		250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
VI	XÃ LONG HƯNG				
1	Đường Huyện 87B	KV2-VT3	Giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	Kênh Hai Bá	300
		KV2-VT1	Kênh Hai Bá	Cầu Vượt Mỹ Khánh	440
		KV1-VT3	Cầu Vượt Mỹ Khánh	Cầu Qua UB Xã	600
		KV1-VT1	Cầu qua UB Xã	Hết ranh Trung tâm Thương mại	2.100
		KV1-VT2	Giáp ranh Trung tâm Thương mại	Hết ranh đất ông Lê Việt Hùng	700
		KV1-VT3	Giáp ranh đất ông Lê Việt Hùng	Kênh 1/5	600
		KV2-VT2	Kênh 1/5	Kênh Đập Đá	400
2	Huyện lộ 32	KV1-VT1	Cầu qua UBND xã	Cầu vượt Tân Phước	500
		KV1-VT2	Cầu vượt Tân Phước	Giáp ranh huyện Châu Thành	350
3	Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	KV1-VT2	Giáp ranh tỉnh Hậu Giang	Cầu Mỹ Khánh	750
		KV1-VT1	Cầu Mỹ Khánh	Cầu 1/5	900
		KV1-VT3	Cầu 1/5	Cầu Đập Đá	700
4	Đường Huyện 87	KV2-VT2	Giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	Cầu vượt Mỹ Khánh	400
		KV2-VT1	Cầu vượt Mỹ Khánh	Cầu qua UBND xã và nhánh đến hết đất Trường THCS Long Hưng A	500
5	Đường 940	KV1-VT2	Giáp Quản lộ Phụng Hiệp	Cổng 3 Đầu	600
		KV2-VT1	Cổng 3 Đầu	Kênh Hai Bá	400
		KV2-VT2	Kênh Hai Bá	Giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	350
6	Trung tâm thương mại Long Hưng, xã Long Hưng	KV1-VT1	Dãy Khu phố 1		2.800
		KV1-VT3	Dãy Khu phố 2, 3, 4		2.200
		KV1-VT2	Dãy Khu phố 5, 6		2.500
7	Đường D3-N6, xã Long Hưng	KV1-VT1	Toàn tuyến		1.500
8	Đường D1-N3	KV1-VT1	Quốc lộ Phụng hiệp	Hết đất chợ Long Hưng	1.000
9	Đường 85	KV1-VT1	Đường Tỉnh 940	Kênh Đập Đá	1.000
10	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến đường đal còn lại		250
VII	XÃ HƯNG PHÚ				
1	Đường Huyện 87B	KV2-VT3	Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	300
		KV2-VT1	Kênh Bắc Bộ	Kênh Miếu	600
		KV2-VT3	Kênh Miếu	Kênh Chín Mùi	350
		KV2-VT2	Kênh Chín Mùi	Kênh Ka Rê	400

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	KV1-VT2	Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	500
		KV1-VT1	Kênh Bắc Bộ	Kênh Miếu	600
		KV2-VT1	Kênh Miếu	Kênh Chín Mùi	550
		KV1-VT1	Kênh Chín Mùi	Kênh Tư Lang	600
		KV1-VT1	Kênh Tư Lang	Kênh Út Cứng	600
		KV1-VT1	Kênh Út Cứng	Kênh Ka Rê	600
3	Đường ô tô đến trung tâm xã (ĐH 81)	KV1-VT1	Đầu ranh đất UBND xã	Cầu Kênh 1000	600
		KV1-VT2	Cầu Kênh 1000	Cầu Nguyễn Việt Hồng	300
		KV1-VT3	Cầu Nguyễn Việt Hồng	Giáp ranh xã Mỹ phước	300
4	Đường Huyện 86	KV2-VT2	Quản lộ Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Mỹ Tú	300
5	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến đường đal còn lại		250
VIII	XÃ MỸ TÚ				
1	Đường Huyện 84	KV2-VT2	Giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	Giáp ranh xã Mỹ Phước	350
2	Đường Huyện 86	KV2-VT2	Cầu 8 Lương	Hết ranh đất ông Hai Lích	350
		KV2-VT1	Giáp ranh đất ông Hai Lích	Cầu Mai Văn Thời (cầu xã)	400
3	Đường Vòng Cung - Cây Bàng	KV2-VT3	Kinh 6 Đen	Hết đất Trường Mẫu giáo xã Mỹ Tú	250
4	Đường Tỉnh 940	KV1-VT1	Giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	Cầu Số 2	600
		KV1-VT2	Cầu Số 2	Giáp ranh xã Mỹ Thuận	500
5	Đường Tỉnh 939	KV2-VT1	Giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	Giáp ranh xã Mỹ Phước	400
6	Đường Huyện 86 (đường trung tâm xã)	KV2-VT2	Kênh Cây Bàn	Đường Tỉnh 940	300
7	Đường Huyện 86	KV2-VT2	Giáp ranh xã Hưng Phú	Cầu Trà Cú Cạn	300
8	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến đường đal còn lại		250
IX	XÃ PHÚ MỸ				
1	Đường Tỉnh 939	KV1-VT3	Giáp ranh xã Đại Tâm	Cổng xà la ten	400
		KV1-VT1	Cổng xà la ten	Cầu Phú Mỹ 2	700
		KV1-VT2	Cầu Phú Mỹ 2	Hết ranh Đồn công tác CT28	500
		KV1-VT2	Giáp ranh Đồn công tác CT28	Cầu Trắng	500
2	Đường Huyện 89	KV2-VT2	Ranh đường Tỉnh 939	Kênh Phú Mỹ 1	350
		KV2-VT2	Kênh Phú Mỹ 1	Rạch Rê	350
3	Lộ đal Phú Tức	KV2-VT1	Giáp ranh Phường 2, thành phố Sóc Trăng	Cổng Thủy lợi	430
		KV2-VT2	Cổng Thủy lợi	Hết đường đal	360
4	Đường đal	KV1-VT1	Hai bên nhà lồng chợ Phú Mỹ		700
		KV1-VT2	Đường Tỉnh 939	Kênh 2	500
5	Đường đal, xã Phú Mỹ	KV2-VT3	Ngã 3 ông Giao	Cầu chùa Bưng Kha Don	250
6	Đường đal	KV2-VT3	Các tuyến đường đal còn lại		250

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
F	HUYỆN CÙ LAO DUNG				
I	THỊ TRẤN CÙ LAO DUNG				
1	Đường hai bên hông chợ Bến Bạ	1	Suốt đường		5.000
2	Đường Đồng Khởi	1	Đầu ranh đất Bảy Xe	Hết đất Nhà VH thị trấn	3.300
		2	Giáp đất Nhà VH thị trấn	Cầu Bến Bạ	2.800
		2	Giáp ranh đất Bảy Xe	Cuối đường Xóm cùi	2.800
		1	Giáp ranh Cầu xã	Cầu Bến Bạ nhỏ	3.300
3	Đường Đoàn Thế Trung	1	Từ Chợ Bến Bạ	Ngã Tư giáp đường Hùng Vương	3.800
		2	Ngã Tư giáp đường Hùng Vương	Hết ranh đất điện lực Cù Lao Dung	3.000
		3	Giáp ranh đất điện lực Cù Lao Dung	Bến đò Giồng Đình	2.600
4	Đường N2	1	Giáp đường Đoàn Thế Trung	Giáp Đình Nguyễn Trung Trục	500
5	Đường N4	1	Đường Nguyễn Trung Trục nối dài	Giáp đường 30 tháng 4	500
6	Đường Đoàn Văn Tổ	1	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	2.800
7	Đường 3 tháng 2	1	Giáp ranh Bệnh viện đa khoa	Đường Hùng Vương	1.500
8	Đường Hùng Vương	1	Đầu ranh đất cây xăng Lê Vũ	Đường 3 tháng 2	2.500
		3	Đường 3 tháng 2	Giáp ranh xã An Thạnh Tây	1.200
		2	Giáp ranh đất cây Xăng Lê Vũ	Cầu Kinh Đình Trụ (giáp xã An Thạnh 2)	1.800
9	Đường lộ số 1	1	Giáp đường Đoàn Thế Trung	Giáp đường Đoàn Văn Tổ	1.700
10	Đường Lương Đình Của (Đường 20/11)	1	Đường 3 tháng 2	Giáp đường Đoàn Văn Tổ	1.100
11	Đường Rạch Già Lớn	1	Đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	400
12	Đường 30 Tháng 4	2	Đường Hùng Vương	Giáp ranh đất Bệnh viện mới	700
		1	Đầu ranh đất Bệnh viện mới	Hết ranh đất Bệnh viện mới	800
		3	Giáp ranh đất Bệnh viện mới	Sông Cồn Tròn	450